

Ngày thi: 14/01/2012

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	25						55	100			
1	172334423	Võ Thị Kim	Châu	B17QTH1	10		9		7					7.4	7.7	Bảy phẩy Bảy	
2	172334434	Lê Ngọc	Duy	B17QTH1	0		0		0					V	0.0	Khăng	
3	172334447	Lê Thị	Hà	B17QTH1	10		10		7					9	8.7	Tám phẩy Bảy	
4	172334448	Nguyễn Ngọc	Hà	B17QTH1	0		0		0					V	0.0	Khăng	
5	172334450	Nguyễn Thị Trúc	Hà	B17QTH1	9		7.5		8					7.1	7.6	Bảy phẩy Sáu	
6	172334485	Cao Thị	Liễu	B17QTH1	10		6.5		7					10	8.9	Tám phẩy Chín	
7	172334491	Phạm Ngọc	Lộc	B17QTH1	10		8		8					9.5	9.0	Chín	
8	172334495	Nguyễn Thị Ly	Ly	B17QTH1	10		5		7.5					9	8.3	Tám phẩy Ba	
9	172334497	Nguyễn Thị Minh	Mẫn	B17QTH1	1		4		0					V	0.0	Khăng	
10	172334499	Cùng Công	Minh	B17QTH1	7		0		6.5					5	5.1	Năm phẩy Mốt	
11	172334501	Nguyễn Xuân	Minh	B17QTH1	10		7		8					7.9	8.0	Tám	
12	172334505	Lê Thị	Mỹ	B17QTH1	10		10		7.5					9.5	9.1	Chín phẩy Mốt	
13	172334506	Nguyễn Thị	Na	B17QTH1	10		8.5		7.5					10	9.2	Chín phẩy Hai	
14	172334507	Nguyễn Hoàng	Nam	B17QTH1	10		8		7					8.5	8.2	Tám phẩy Hai	
15	172334509	Phùng Vũ Hoài	Nam	B17QTH1	10		10		8					9.5	9.2	Chín phẩy Hai	
16	172334512	Nguyễn Thị Kim	Nga	B17QTH1	4		2.5		0					V	0.0	Khăng	
17	172334518	Hồ Hoàng	Nguyên	B17QTH1	9		8.8		7.5					8.4	8.3	Tám phẩy Ba	
18	172334520	Nguyễn Nhất	Nguyên	B17QTH1	10		9.5		7					9.5	8.9	Tám phẩy Chín	
19	172334522	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	B17QTH1	9		10		7.5					9.5	9.0	Chín	
20	172334523	Lưu Tùng	Nhân	B17QTH1	10		7.5		7					9.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
21	172334524	Phan Lê Hiền	Nhân	B17QTH1	7		4.5		7.5					7.8	7.3	Bảy phẩy Ba	
22	172334532	Bùi Hồng	Phong	B17QTH1	0		0		0					V	0.0	Khăng	
23	172334534	Võ Văn	Phú	B17QTH1	10		8.5		6					9.1	8.4	Tám phẩy Bốn	
24	172334546	Mai Thị Diệu	Quyên	B17QTH1	10		8		7					9.5	8.8	Tám phẩy Tám	
25	172334555	Nguyễn Chung	Thành	B17QTH1	10		8		7					9.8	8.9	Tám phẩy Chín	
26	172334565	Nguyễn Đức	Thịnh	B17QTH1	7		0		0					V	0.0	Khăng	
27	172334576	Đỗ Thị Ngân	Thương	B17QTH1	10		7.5		7					9	8.5	Tám phẩy Năm	
28	172334578	Trương Thị Kim	Thương	B17QTH1	10		6		9					10	9.4	Chín phẩy Bốn	
29	172334581	Trần Minh	Tiền	B17QTH1	7		7		7					9.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
30	172334584	Lê Nguyễn Huy	Tín	B17QTH1	0		0		0					V	0.0	Khăng	
31	172334586	Văn Mạnh Khánh	Toàn	B17QTH1	1		8		0					V	0.0	Khăng	
32	172334594	Nguyễn Thị Diệu	Trang	B17QTH1	7		4		7					5.4	5.8	Năm phẩy Tám	
33	172334598	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trâm	B17QTH1	4		8.5		7.5					3.3	0.0	Khăng	
34	172334605	Nguyễn Hữu	Trúc	B17QTH1	10		8		8					9.3	8.9	Tám phẩy Chín	
35	172334606	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	B17QTH1	10		6		7.5					8.1	7.9	Bảy phẩy Chín	
36	172334613	Hoàng Nghĩa	Tuân	B17QTH1	10		6		7.5					9.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
37	172334619	Nguyễn Mạnh	Tuấn	B17QTH1	10		8		8					9	8.8	Tám phẩy Tám	
38	172334623	Phan Văn	Tư	B17QTH1	0		0		0					V	0.0	Khăng	
39	172334624	Nguyễn Hữu Chí	Tường	B17QTH1	1		0		0					V	0.0	Khăng	
40	172334629	Nguyễn Thị Xuân	Vân	B17QTH1	10		6		7.5					9	8.4	Tám phẩy Bốn	
41	172334632	Lê Châu Quang	Viễn	B17QTH1	10		8		7.5					9.5	8.9	Tám phẩy Chín	
42	172334635	Ngô Lê Minh	Vũ	B17QTH1	10		7.5		6.5					9.5	8.6	Tám phẩy Sáu	
43	172334410	Ngô Hoàng Thúy	An	B17QTH2	4		7.7		7					9.5	8.1	Tám phẩy Mốt	
44	172334421	Phan Hồng	Bích	B17QTH2	7		0		7					V	0.0	Khăng	
45	172334426	Nguyễn Hùng	Cường	B17QTH2	4		9		0					7.1	5.2	Năm phẩy Hai	
46	172334438	Lê Tiến	Đạt	B17QTH2	7		8		7					9.5	8.5	Tám phẩy Năm	

Ngày thi: 14/01/2012

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	25						55	100			
47	172334451	Trần Thu	Hà	B17QTH2	10		6		8					9.8	9.0	Chèn	
48	172334459	Lê Thị	Hằng	B17QTH2	10		5.5		7					9.5	8.5	Tam pháp Nam	
49	172334468	Tôn Nữ Diệu	Huệ	B17QTH2	0		0		0					V	0.0	Kháng	
50	172334470	Nguyễn Huỳnh	Huy	B17QTH2	8		7		0					8.8	6.3	Sau pháp Ba	
51	172334471	Nguyễn Văn	Huy	B17QTH2	9		5		8					8.5	8.1	Tam pháp Mâu	
52	172334477	Trần Đăng	Khoa	B17QTH2	0		0		0					2	0.0	Kháng	
53	172334481	Tăng Thị Giao	Khương	B17QTH2	7		9.4		7.5					9.8	8.9	Tam pháp Chèn	
54	172334488	Hồ Hoàng	Long	B17QTH2	7		9.5		7.5					9.5	8.8	Tam pháp Tam	
55	172334496	Ngô Thị Ngọc	Mai	B17QTH2	10		4		6					9.5	8.1	Tam pháp Mâu	
56	172334498	Bùi Văn	Minh	B17QTH2	1		7.5		7					9.8	8.0	Tam	
57	172334510	Trần Khoa	Nam	B17QTH2	7		5		7					9.8	8.3	Tam pháp Ba	
58	172334516	Huỳnh Kim	Ngọc	B17QTH2	10		10		5					10	8.8	Tam pháp Tam	
59	172334521	Trần Thị Mỹ	Nguyệt	B17QTH2	10		10		8.5					9.5	9.4	Chèn pháp Bấu	
60	172334528	Trần Văn	Nhó	B17QTH2	0		0		0					V	0.0	Kháng	
61	172334531	Ngô Dương Chi	Ny	B17QTH4	1		7		7.5					9.6	8.0	Tam	
62	172334533	Nguyễn Đức	Phú	B17QTH2	0		2		7.5					10	7.6	Baý pháp Sau	
63	172334536	Lê Thị Hồng	Phúc	B17QTH2	10		7.5		7.5					8	8.0	Tam	
64	172334537	Phạm Thị	Phúc	B17QTH2	10		5		7.5					7.9	7.7	Baý pháp Baý	
65	172334538	Phạm Thị Nga	Phước	B17QTH2	10		7		6					9.3	8.3	Tam pháp Ba	
66	172334540	Nguyễn Thị Uyên	Phương	B17QTH2	10		8.5		7					10	9.1	Chèn pháp Mâu	
67	172334542	Phan Tấn Nhật	Quang	B17QTH2	9		6		5					9	7.7	Baý pháp Baý	
68	172334556	Lê Thị Bích	Thảo	B17QTH2	7		8		7					9	8.2	Tam pháp Hai	
69	172334557	Phùng Thị Phương	Thảo	B17QTH2	10		5		8					10	9.0	Chèn	
70	172334560	Nguyễn Việt	Thắng	B17QTH2	10		8		7					9	8.5	Tam pháp Nam	
71	172334564	Ngô Đắc	Thịnh	B17QTH2	0		5.5		7					9	7.3	Baý pháp Ba	
72	172334566	Nguyễn Khánh Duy	Thịnh	B17QTH2	10		7		7.5					9.5	8.8	Tam pháp Tam	
73	172334580	Nguyễn Đình Quỳnh	Tiên	B17QTH2	7		7.5		0					9.3	6.6	Sau pháp Sau	
74	172334592	Lê Vũ Khánh	Trang	B17QTH2	9		7		7.5					9.5	8.7	Tam pháp Baý	
75	172334593	Ngô Thị Thu	Trang	B17QTH2	10		8		8					9.5	9.0	Chèn	
76	172334595	Trần Thị Thùy	Trang	B17QTH2	7		6.5		7.5					7.7	7.5	Baý pháp Nam	
77	172334599	Nguyễn Quỳnh	Trâm	B17QTH2	10		5.5		8					8.7	8.3	Tam pháp Ba	
78	172334601	Trần Thị Bích	Trâm	B17QTH2	9		3.5		7.5					9.5	8.4	Tam pháp Bấu	
79	172334604	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	B17QTH2	1		7		4					8.7	6.6	Sau pháp Sau	
80	172334609	Đậu Quang	Trường	B17QTH2	0		0		0					V	0.0	Kháng	
81	172334610	Trần Thanh	Trường	B17QTH2	9		8		8					8.1	8.2	Tam pháp Hai	
82	172334612	Trần Thị Minh	Tú	B17QTH2	7		7		7.5					8.2	7.8	Baý pháp Tam	
83	172334625	Nguyễn Đình	Tướng	B17QTH2	0		0		0					V	0.0	Kháng	
84	172334626	Đỗ Trọng	Văn	B17QTH2	0		0		0					V	0.0	Kháng	
85	172334409	Bùi Thành	An	B17QTH3	10		1.5		7.5					2.8	0.0	Kháng	
86	172334414	Ngô Huỳnh	Anh	B17QTH3	0		1.5		0					V	0.0	Kháng	
87	172334417	Nguyễn Tuấn	Anh	B17QTH3	7		3.5		7.5					8.3	7.5	Baý pháp Nam	
88	172334419	Trương Thị Vân	Anh	B17QTH3	9		10		6.5					8.7	8.3	Tam pháp Ba	
89	172334420	Trần Quốc	Bảo	B17QTH3	4		5		6					9	7.4	Baý pháp Bấu	
90	172334433	Thân Đức	Dũng	B17QTH3	10		8.6		7.5					9.8	9.1	Chèn pháp Mâu	
91	172334439	Nguyễn Hải	Đăng	B17QTH3	0		0		0					V	0.0	Kháng	
92	172334442	Nguyễn Tuấn	Đức	B17QTH3	9		7		8					9.5	8.8	Tam pháp Tam	

Ngày thi: 14/01/2012

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	25						55	100			
93	172334453	Huỳnh Minh	Hải	B17QTH3	9	8.5	7.5						9	8.6	Tám pháp Sáu		
94	172334454	Mai Thanh	Hải	B17QTH3	0	7.5	0						0	0.0	Kháng		
95	172334466	Ngô Lê	Hoàng	B17QTH3	10	10	7						9	8.7	Tám pháp Bảy		
96	172334474	Thân Thị Thu	Hương	B17QTH3	4	1	7.5						8.5	7.1	Bảy pháp Mười		
97	172334479	Nguyễn Hữu	Khôi	B17QTH3	10	9.5	8						10	9.5	Chèn pháp Năm		
98	172334484	Nguyễn Thị Mai	Liên	B17QTH3	10	8.2	7.5						9.5	8.9	Tám pháp Chèn		
99	172334493	Nguyễn Thanh	Luân	B17QTH3	0	0	0						V	0.0	Kháng		
100	172334494	Nguyễn Văn	Luân	B17QTH3	9	6.5	7						9.3	8.4	Tám pháp Bốn		
101	172334525	Đỗ Duy	Nhật	B17QTH3	10	9.5	7.5						9.5	9.1	Chèn pháp Mười		
102	172334527	Võ Hạnh	Nhi	B17QTH3	1	6	7						9	7.4	Bảy pháp Bốn		
103	172334535	Đỗ Tấn	Phúc	B17QTH3	10	9	8						8.7	8.7	Tám pháp Bảy		
104	172334547	Trần Thế	Quyền	B17QTH3	7	1.5	7						7.7	6.8	Sáu pháp Tám		
105	172334552	Lê Ngọc	Thái	B17QTH3	4	7.5	7						1.8	0.0	Kháng		
106	172334553	Nguyễn Văn	Thanh	B17QTH3	10	9	7.5						10	9.3	Chèn pháp Ba		
107	172334559	Nguyễn Thị	Thắm	B17QTH3	4	4.5	5						V	0.0	Kháng		
108	172334562	Đoàn Thị Quỳnh	Thi	B17QTH3	7	4.5	8						9.5	8.4	Tám pháp Bốn		
109	172334567	Nguyễn Ngọc	Thịnh	B17QTH3	0	9	5						9.5	7.4	Bảy pháp Bốn		
110	172334570	Bùi Hữu	Thông	B17QTH3	10	8	7						9.5	8.8	Tám pháp Tám		
111	172334574	Trần Anh	Thư	B17QTH3	7	9	7.5						9	8.4	Tám pháp Bốn		
112	172334577	Phan Thị Thương	Thương	B17QTH3	0	4.5	8						8.6	7.2	Bảy pháp Hai		
113	172334587	Bùi Văn	Tôn	B17QTH3	8	3.5	7						9.2	8.0	Tám		
114	172334590	Đinh Lan Hiền	Trang	B17QTH3	10	9.5	8						9.5	9.2	Chèn pháp Hai		
115	172334611	Đặng Thị Ngọc	Tú	B17QTH3	10	6.5	7.5						9.2	8.6	Tám pháp Sáu		
116	172334615	Nguyễn Tiến	Tuân	B17QTH3	8	7.5	7						9	8.3	Tám pháp Ba		
117	172334617	Nguyễn Kim	Tuấn	B17QTH3	10	8.5	8						10	9.4	Chèn pháp Bốn		
118	172334627	Bùi Thị Hà	Vân	B17QTH3	1	4.5	7.5						5.6	5.5	Năm pháp Năm		
119	172334631	Từ Thị Thu	Vi	B17QTH3	7	7	7						6.9	6.9	Sáu pháp Chèn		
120	172334636	Vũ Đình	Vững	B17QTH3	4	7	7.5						8.7	7.8	Bảy pháp Tám		
121	172334637	Phạm Vũ Hoàng	Vy	B17QTH3	10	8.5	7						8.1	8.1	Tám pháp Mười		
122	172334639	Trần Văn	Vỹ	B17QTH3	10	9	7.5						9	8.7	Tám pháp Bảy		
123	172334641	Vũ Hoàng	Yên	B17QTH3	7	1.5	8.5						6.8	6.7	Sáu pháp Bảy		
124	172334411	Lê Phước Ngọc	Anh	B17QTH4	10	10	7						9	8.7	Tám pháp Bảy		
125	172334422	Trần Nguyễn	Bình	B17QTH4	10	8.5	7						9.5	8.8	Tám pháp Tám		
126	172334429	Vũ Huy	Diễn	B17QTH4	9	8	8						9.5	8.9	Tám pháp Chèn		
127	172334431	Nguyễn Thụy Thùy	Dung	B17QTH4	4	5.5	7.5						10	8.3	Tám pháp Ba		
128	172334446	Lê Thanh	Hà	B17QTH4	10	6.5	7.5						9.5	8.8	Tám pháp Tám		
129	172334452	Võ Thanh	Hà	B17QTH4	7	8.5	7.5						9.5	8.7	Tám pháp Bảy		
130	172334455	Nguyễn Kim	Hải	B17QTH4	4	5	5						8.8	7.0	Bảy		
131	172334457	Hồ Thị Kim	Hạnh	B17QTH4	10	8	7.5						10	9.2	Chèn pháp Hai		
132	172334458	Võ Văn Thị Hồng	Hạnh	B17QTH4	10	8.5	5						10	8.6	Tám pháp Sáu		
133	172334462	Lê Chí	Hiếu	B17QTH4	9	9.5	6						9.4	8.5	Tám pháp Năm		
134	172334469	Trần Thị	Huệ	B17QTH4	7	5.5	7						6.7	6.7	Sáu pháp Bảy		
135	172334473	Bùi Thị	Huyền	B17QTH4	10	6	6						8.1	7.6	Bảy pháp Sáu		
136	172334487	Vũ Thị	Loan	B17QTH4	10	7.5	7.5						7.6	7.8	Bảy pháp Tám		
137	172334490	Lê Thị	Lộc	B17QTH4	7	0	7						4.7	5.0	Năm		
138	172334504	Võ Thị Diễm	My	B17QTH4	7	5.3	6						7	6.6	Sáu pháp Sáu		

Ngày thi: 14/01/2012

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	25						55	100			
139	172334508	Nguyễn Tuấn	Nam	B17QTH4	4		1		7					9.6	7.5	Baý pháp Nam	
140	172334514	Lê Thị Kiều	Ngân	B17QTH4	10		8.5		6.5					9	8.4	Tam pháp Bảú	
141	172334515	Trần Thị Hoa	Ngân	B17QTH4	10		8.5		7					10	9.1	Chèn pháp Mảú	
142	172334530	Bùi Thị	Nương	B17QTH4	10		8		6					9.1	8.3	Tam pháp Ba	
143	172334549	Phan Xuân	Son	B17QTH4	7		7		7					9.3	8.3	Tam pháp Ba	
144	172334550	Lê Thị Thu	Sương	B17QTH4	1		6.5		6					8.4	6.9	Sau pháp Chèn	
145	172334558	Trần Thị Phương	Thảo	B17QTH4	1		0		0				V	0.0		Khăng	
146	172334561	Nguyễn Quang	Thế	B17QTH4	4		5		7				6	6.0		Sau	
147	172334563	Đoàn Yên	Thiện	B17QTH4	0		6.5		0				2.3	0.0		Khăng	
148	172334568	Trương Văn	Thịnh	B17QTH4	10		0		0				V	0.0		Khăng	
149	172334572	Phan Thị	Thúy	B17QTH4	10		6.5		7				8.3	8.0		Tam	
150	172334573	Phan Nguyễn Anh	Thư	B17QTH4	0		5.5		0				5.3	3.5		Ba pháp Nam	
151	172334579	Lê Hoài	Thường	B17QTH4	4		0		5				5.6	4.7		Bảú pháp Baý	
152	172334583	Trần Văn	Tiến	B17QTH4	7		3.8		7.5				8	7.4		Baý pháp Bảú	
153	172334588	Dương Ngọc Nhật	Trang	B17QTH4	10		3		7				9	8.0		Tam	
154	172334589	Đặng Thị Mỹ	Trang	B17QTH4	10		5.5		6				9.5	8.3		Tam pháp Ba	
155	172334596	Trương Thị Thùy	Trang	B17QTH4	7		7.5		7.5				9.5	8.6		Tam pháp Sau	
156	172334597	Võ Thị Thu	Trang	B17QTH4	8		8.8		7				9.5	8.7		Tam pháp Baý	
157	172334600	Nguyễn Thị	Trâm	B17QTH4	10		5.5		6.5				7.3	7.2		Baý pháp Hai	
158	172334602	Cao Minh	Trí	B17QTH4	10		8		7.5				8.2	8.2		Tam pháp Hai	
159	172334603	Dương Phú Khải	Trí	B17QTH4	10		5		7				7.6	7.4		Baý pháp Bảú	
160	172334614	Nguyễn Thanh	Tuân	B17QTH4	7		0		0				V	0.0		Khăng	
161	172334618	Nguyễn Kim	Tuấn	B17QTH4	4		7		5				8.8	7.2		Baý pháp Hai	
162	172334621	Bùi Sơn	Tùng	B17QTH4	7		0		0				V	0.0		Khăng	
163	172334630	Võ Thị Hồng	Vân	B17QTH4	10		1		7				4.4	5.3		Nam pháp Ba	
164	172334633	Phạm Thanh	Vinh	B17QTH4	10		10		7.5				9.8	9.3		Chèn pháp Ba	
165	172334640	Văn Thị	Ý	B17QTH4	10		2		6.5				9.8	8.2		Tam pháp Hai	
166	172334413	Ngô Hoàng	Anh	B17QTH5	8		9		0				9.8	7.1		Baý pháp Mảú	
167	172334415	Nguyễn Ngọc	Anh	B17QTH5	0		8		7				9.5	7.8		Baý pháp Tam	
168	172334418	Phạm Thị Vân	Anh	B17QTH5	10		9.5		7.5				10	9.3		Chèn pháp Ba	
169	172334424	Trần Việt	Chinh	B17QTH5	10		7.5		7.5				9.8	9.0		Chèn	
170	172334425	Trần Việt	Chung	B17QTH5	0		0		0				V	0.0		Khăng	
171	172334428	Trần Huỳnh Thy	Diễm	B17QTH5	0		0		0				V	0.0		Khăng	
172	172334430	Trần Huỳnh Thy	Diệu	B17QTH5	9		8.8		8				9.8	9.2		Chèn pháp Hai	
173	172334432	Nguyễn Ngọc	Dũng	B17QTH5	9		8		7.5				9.3	8.7		Tam pháp Baý	
174	172334435	Nguyễn Phương	Duy	B17QTH5	10		6.8		8.5				9.3	8.9		Tam pháp Chèn	
175	172334440	Nguyễn Văn	Diệp	B17QTH5	7		6		6.5				0	0.0		Khăng	
176	172334441	Dương Văn	Đức	B17QTH5	0		0		0				V	0.0		Khăng	
177	172334443	Nguyễn Hoàng	Gia	B17QTH5	10		2		7				4.9	5.6		Nam pháp Sau	
178	172334444	Chu Thị Minh	Hà	B17QTH5	10		4.5		6				7.9	7.3		Baý pháp Ba	
179	172334456	Nguyễn Minh	Hải	B17QTH5	10		6.8		7				9.3	8.5		Tam pháp Nam	
180	172334460	Trần Thị Diệu	Hiền	B17QTH5	10		10		6.5				9.5	8.9		Tam pháp Chèn	
181	172334461	Huỳnh Thị	Hiếu	B17QTH5	7		8		8				9.2	8.6		Tam pháp Sau	
182	172334464	Thái Hữu	Hòa	B17QTH5	7		3.5		7.5				7.9	7.3		Baý pháp Ba	
183	172334465	Lê Văn	Hoàng	B17QTH5	7		7.5		7.5				10	8.8		Tam pháp Tam	
184	172334467	Nguyễn	Hoàng	B17QTH5	0		0		0				V	0.0		Khăng	

Ngày thi: 14/01/2012

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	25						55	100			
185	172334475	Nguyễn Ngọc	Hỷ	B17QTH5	7	0	7						8.5	7.1	Báỵ phẩMậ		
186	172334476	Hà Trần Thị Mỹ	Khánh	B17QTH5	10	6	7						9	8.3	Tẩ phẩBa		
187	172334480	Phan Tài	Khương	B17QTH5	7	3	0					V	0.0	Khẩng			
188	172334486	Nguyễn Hoàng	Linh	B17QTH5	0	0	0					V	0.0	Khẩng			
189	172334489	Nguyễn Đức	Long	B17QTH5	4	6.6	7						8.5	7.5	Báỵ phẩNẩm		
190	172334492	Phạm Thị Xuân	Lộc	B17QTH5	9	10	7.5						9.5	9.0	Chẩn		
191	172334500	Đặng Công Huy	Minh	B17QTH5	10	7.8	3						9	7.5	Báỵ phẩNẩm		
192	172334502	Đinh Thị Khánh	My	B17QTH5	10	8.5	6.5						8.7	8.3	Tẩ phẩBa		
193	172334503	Trần Thị Trà	My	B17QTH5	10	1	7						8.8	7.7	Báỵ phẩBáỵ		
194	172334511	Lê Thị Châu	Nga	B17QTH5	10	6	7.5						9	8.4	Tẩ phẩBẩứ		
195	172334513	Huỳnh Thị Kim	Ngân	B17QTH5	10	9	7.5						10	9.3	Chẩn phẩBa		
196	172334519	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	B17QTH5	10	7	7						9	8.4	Tẩ phẩBẩứ		
197	172334539	Huỳnh Ngọc	Phương	B17QTH5	7	9	8						9.5	8.8	Tẩ phẩTẩm		
198	172334541	Phan Lê	Phương	B17QTH5	7	7	7						8.5	7.8	Báỵ phẩTẩm		
199	172334544	Trần Văn Việt	Quân	B17QTH5	0	0	0					V	0.0	Khẩng			
200	172334545	Vũ Văn	Quân	B17QTH5	10	8	7						5.5	6.6	Sẩ phẩSẩ		
201	172334548	Hoàng Lam	Son	B17QTH5	9	7	7						7.5	7.5	Báỵ phẩNẩm		
202	172334571	Thạch Gia	Thuận	B17QTH5	7	5.5	7.5						4	5.3	Nẩm phẩBa		
203	172334575	Đinh Thị	Thương	B17QTH5	9	6.5	7						9	8.3	Tẩ phẩBa		
204	172334585	Phan Văn	Tĩnh	B17QTH5	4	0	0					V	0.0	Khẩng			
205	172334607	Phạm Thanh	Trung	B17QTH5	7	7.8	4						9	7.4	Báỵ phẩBẩứ		
206	172334616	Nguyễn Đức Minh	Tuấn	B17QTH5	4	9.8	7.5						8.3	7.8	Báỵ phẩTẩm		
207	172334620	Nguyễn Thành	Tuấn	B17QTH5	7	7.5	7.5						V	0.0	Khẩng		
208	172334622	Trần Thị Ngọc	Tuyên	B17QTH5	0	0	0						V	0.0	Khẩng		
209	172334628	Nguyễn Thị	Vân	B17QTH5	7	1	4						7.4	5.9	Nẩm phẩChẩn		
210	172334634	Trà Thanh	Vinh	B17QTH5	0	1.5	7						7	5.8	Nẩm phẩTẩm		
211	172334638	Trần Ngọc Thảo	Vy	B17QTH5	10	6.6	7.5						9.5	8.8	Tẩ phẩTẩm		
1	152337766	Đặng Ngọc	Toàn	B15QTH2	8	5	7						9	8.0	Tẩm		
2	152337804	Cao Thanh	Tùng	B15QTH2	0	0	0						V	0.0	Khẩng		

**BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU**

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	170	80%	
2	Số sinh viên nợ	43	20%	
<b>TỔNG CỘNG :</b>		<b>213</b>	<b>100%</b>	

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2012

**LẬP BẢNG**

**KIỂM TRA**

**GIÁM ĐỐC TT ĐÀO TẠO BẢNG 2**

**PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH**

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Phạm Hồng Phương

**Hồ Hà Đông**

ThS. Nguyễn Hữu Phú